

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được giao đất, cho thuê đất, gia hạn quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kể cả trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất có đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định phải nộp phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

Điều 2. Đơn vị thu phí

1. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí đối với các tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước.

Điều 3. Mức thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Đối với tổ chức	
1	Diện tích sử dụng dưới 1 ha	900.000
2	Diện tích sử dụng từ 1 ha đến dưới 2 ha	1.000.000
3	Diện tích sử dụng từ 2 ha đến dưới 5 ha	1.200.000
4	Diện tích sử dụng từ 5 ha trở lên	1.500.000
II	Đối với các tổ chức thực hiện dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất	
1	Diện tích sử dụng dưới 5 ha	1.500.000

2	Diện tích sử dụng từ 5 ha đến dưới 10 ha	2.500.000
3	Diện tích sử dụng từ 10 ha trở lên	5.000.000
III	Đối với hộ gia đình, cá nhân xin cấp giấy CNQSDĐ	
1	Cấp giấy CNQSDĐ tại các xã, thị trấn	
1.1	Diện tích sử dụng dưới 1.000 m ²	120.000
1.2	Diện tích sử dụng từ 1.000 m ² đến dưới 2.000 m ²	150.000
1.3	Diện tích sử dụng từ 2.000 m ² trở lên	180.000
2	Cấp giấy CNQSDĐ tại các phường	
2.1	Diện tích sử dụng dưới 1.000 m ²	350.000
2.2	Diện tích sử dụng từ 1.000 m ² đến dưới 2.000 m ²	400.000
2.3	Diện tích sử dụng từ 2.000 m ² trở lên	450.000

Điều 4. Tổ chức thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất

1. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau: Đơn vị thu phí được để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện thu phí theo chế độ quy định, 10 % số thu còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiêu mục tương ứng và phân cấp cho các cấp ngân sách theo quy định hiện hành;

Toàn bộ số tiền phí được trích theo quy định trên đây, cơ quan thu phí phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp và thực hiện quyết toán theo quy định; nếu sử dụng không hết trong năm thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

2. Cơ quan thu phí có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán phí thu được theo đúng quy định tại Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về Phí - Lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quyết định số 25/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định quản lý thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ, các quy định theo quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau mười ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là năm ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Trần Thanh Mẫn